



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 33

36
04
11
10
11
11

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2021)
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2021)
Ông Trần Quốc Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Số: 53/2021/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng năm 2021 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2021

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

V.21
CỔ
MTR
RSM
11/7

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		426.302.138.807	341.514.234.923
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	205.578.887.841	172.560.103.394
1. Tiền	111		64.565.804.024	75.547.019.577
2. Các khoản tương đương tiền	112		141.013.083.817	97.013.083.817
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	70.000.000.000	60.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		70.000.000.000	60.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.946.641.593	107.793.959.984
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	132.326.805.078	105.161.558.735
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	18.379.136.862	3.681.128.196
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.598.214.445	1.293.182.755
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.357.514.792)	(2.341.909.702)
IV. Hàng tồn kho	140		535.344.182	682.487.524
1. Hàng tồn kho	141	4.7	535.344.182	682.487.524
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		241.265.191	477.684.021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	228.476.496	477.684.021
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	12.788.695	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		699.823.148.457	674.551.288.692
I. Tài sản cố định	220		362.761.901.246	377.961.892.752
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	358.837.071.805	373.724.492.324
Nguyên giá	222		781.993.001.175	768.969.677.745
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(423.155.929.370)	(395.245.185.421)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	3.924.829.441	4.237.400.428
Nguyên giá	228		7.065.674.168	7.025.674.168
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.140.844.727)	(2.788.273.740)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		225.568.143.585	184.344.801.999
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	225.568.143.585	184.344.801.999
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	62.565.000.000	62.565.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		47.400.000.000	47.400.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		48.928.103.626	49.679.593.941
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	48.928.103.626	49.679.593.941
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.126.125.287.264	1.016.065.523.615

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		470.314.738.760	367.415.033.623
I. Nợ ngắn hạn	310		347.481.732.868	245.704.027.731
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	92.123.761.665	85.304.422.211
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		660.513.052	410.294.693
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	35.842.149.905	8.569.096.718
4. Phải trả người lao động	314	4.14	19.521.953.412	22.816.200.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	14.264.087.926	2.014.959.143
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.899.330.981	1.973.736.648
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	42.001.159.290	4.982.769.629
8. Vay ngắn hạn	320	4.17	87.977.762.103	82.429.829.193
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.18	18.340.300.302	12.750.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.19	34.850.714.232	24.452.719.496
II. Nợ dài hạn	330		122.833.005.892	121.711.005.892
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	20.119.590.242	20.189.590.242
2. Vay dài hạn	338	4.17	102.713.415.650	101.521.415.650
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		655.810.548.504	648.650.489.992
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	655.810.548.504	648.650.489.992
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		185.219.540.000	185.219.540.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.219.540.000	185.219.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		255.820.526.541	255.820.526.541
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		140.335.675.418	133.175.616.906
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		48.565.341.906	37.498.440.263
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		91.770.333.512	95.677.176.643
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.126.125.287.264	1.016.065.523.615



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 1X tháng 9 năm 2021

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	1	4.22	468.286.871.366	339.699.512.966
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		468.286.871.366	339.699.512.966
3. Giá vốn hàng bán	11	4.23	319.855.254.946	231.036.792.037
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		148.431.616.420	108.662.720.929
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.24	5.860.724.159	5.845.978.104
6. Chi phí tài chính	22	4.25	6.246.085.150	8.365.035.962
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.246.085.150</i>	<i>8.365.035.962</i>
7. Chi phí bán hàng	25	4.26	9.039.436.574	9.934.792.031
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.27	25.020.681.628	21.042.901.096
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		113.986.137.227	75.165.969.944
10. Thu nhập khác	31		217.417.352	262.703.536
11. Chi phí khác	32		3.413.657	59.987.776
12. Lợi nhuận khác	40		214.003.695	202.715.760
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		114.200.140.922	75.368.685.704
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.29	22.429.807.410	7.368.645.059
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		91.770.333.512	68.000.040.645
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.4	4.343	3.217
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.5	4.343	3.217



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 9 năm 2021

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		114.200.140.922	75.368.685.704
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	4.28	28.263.314.936	26.167.081.389
Các khoản dự phòng	03	4.28	7.015.605.090	5.171.716.084
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.860.724.159)	(5.855.069.013)
Chi phí lãi vay	06	4.25	6.246.085.150	8.365.035.962
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		149.864.421.939	109.217.450.126
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.751.431.904)	(11.998.696.310)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		147.143.342	(979.253.839)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		14.216.457.654	(19.696.313.524)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.000.697.840	1.200.723.305
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.304.002.460)	(8.469.435.592)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(5.716.850.349)	(4.669.836.587)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	5.015.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.385.441.264)	(5.271.904.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		118.070.994.798	59.337.748.454
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(59.730.082.465)	(32.785.910.699)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	9.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(70.000.000.000)	(55.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		60.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(40.400.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.631.099.504	5.497.875.367
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(64.098.982.961)	(122.678.944.423)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.30	162.686.102.837	135.689.088.316
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.31	(155.946.169.927)	(125.517.410.389)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.693.160.300)	(27.709.811.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.953.227.390)	(17.538.133.473)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		33.018.784.447	(80.879.329.442)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		172.560.103.394	214.800.418.767
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	205.578.887.841	133.921.089.325



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 6 năm 2021

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 08 năm 2019 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 04 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 118/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 08 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 867/2011/TB-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 185.219.540.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	94.462.200.000	51,00	94.462.200.000	51,00
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	37.500.000.000	20,25	37.500.000.000	20,25
Các cổ đông khác	53.257.340.000	28,75	53.257.340.000	28,75
Cộng	185.219.540.000	100,00	185.219.540.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 269 (01 tháng 01 năm 2021 là: 268).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa));
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Cảng Gò Dầu A, Khu công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	45%	45%	45%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2020.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	522.964.453	19.414.122
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	64.042.839.571	75.527.605.455
Các khoản tương đương tiền (*)	141.013.083.817	97.013.083.817
Cộng	<u>205.578.887.841</u>	<u>172.560.103.394</u>

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,0%/năm đến 5,6%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

89-
TY
TƯ
VAM
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 - 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,9%/năm đến 6,0%/năm.

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành (a)	1.665.000.000	(*)	1.665.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai (b)	13.500.000.000	(*)	13.500.000.000	(*)
Cộng	15.165.000.000	-	15.165.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (c)	7.000.000.000	27.020.000.000	7.000.000.000	22.400.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (d)	40.400.000.000	(*)	40.400.000.000	(*)
Cộng	47.400.000.000	-	47.400.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- (a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là: kinh doanh khai thác cầu cảng; khai thác kho tàng bến bãi; bốc xếp và vận tải hàng hóa bằng ô tô trong và ngoài cảng và các dịch vụ của ngành hàng hải; dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp, vận tải, tàu lai dắt; vận chuyển hàng hóa đường thủy, đường bộ; cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, dầu nhớt các loại); đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.
- (b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa; xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, nạo vét sông.
- (c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán là SZC. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là: cho thuê đất và mặt bằng; tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư; tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này là 27.020.000.000 VND, tương đương với 38.600 VND/cổ phiếu.
- (d) Khoản đầu tư này chiếm 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận là: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đã thuê.
- (*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.33	1.537.993.919	121.377.900
Phải thu từ khách hàng:		
Maersk Line A/S	28.789.022.624	19.586.525.082
Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Tân Cảng - Cái Mép	11.894.085.000	12.289.938.000
Công ty TNHH MTV Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải (TCTT)	11.538.084.000	12.598.357.500
Các khách hàng khác	78.567.619.535	60.565.360.253
Cộng	132.326.805.078	105.161.558.735

Tại ngày 30/06/2021, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Hữu Thành	15.210.592.782	712.003.730
Các nhà cung cấp khác	3.168.544.080	2.969.124.466
Cộng	18.379.136.862	3.681.128.196

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi	926.693.151	-	697.068.496	-
Tạm ứng cho nhân viên	321.000.000	-	249.000.000	-
Phải thu khác	350.521.294	-	347.114.259	-
Cộng	1.598.214.445	-	1.293.182.755	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.394.540.792	37.026.000	2.418.251.944	76.342.242
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Đa phương thức Minh Phát	354.026.166	-	354.026.166	-
Công ty TNHH An Tiến Phát	249.824.654	-	249.824.654	-
Các khách hàng khác	1.790.689.972	37.026.000	1.814.401.124	76.342.242
Cộng	2.394.540.792	37.026.000	2.418.251.944	76.342.242

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	535.344.182	-	682.487.524	-

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí mua bảo hiểm	218.648.049	456.808.825
Các khoản khác	9.828.447	20.875.196
Cộng	228.476.496	477.684.021
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả trước	40.304.342.030	40.951.451.774
Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng không được cân trừ vào tiền thuê đất	8.607.801.338	8.709.069.590
Các khoản khác	15.960.258	19.072.577
Cộng	48.928.103.626	49.679.593.941

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2021	573.964.988.054	113.309.895.593	63.032.723.380	7.916.300.826	10.745.769.892	768.969.677.745
Mua trong kỳ	-	-	137.593.800	119.225.000	115.000.000	371.818.800
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.548.741.976	619.905.151	988.367.394	-	1.494.490.109	12.651.504.630
Tại ngày 30/06/2021	583.513.730.030	113.929.800.744	64.158.684.574	8.035.525.826	12.355.260.001	781.993.001.175
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2021	279.025.917.724	58.811.264.533	44.275.867.527	6.590.952.037	6.541.183.600	395.245.185.421
Khấu hao trong kỳ	18.105.406.618	5.857.986.647	2.945.551.540	342.003.314	659.795.830	27.910.743.949
Tại ngày 30/06/2021	297.131.324.342	64.669.251.180	47.221.419.067	6.932.955.351	7.200.979.430	423.155.929.370
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2021	294.939.070.330	54.498.631.060	18.756.855.853	1.325.348.789	4.204.586.292	373.724.492.324
Tại ngày 30/06/2021	286.382.405.688	49.260.549.564	16.937.265.507	1.102.570.475	5.154.280.571	358.837.071.805

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2021 của TSCĐ hữu hình là 208.572.797.091 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 98.757.141.684 VND.



M.S.N

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán, bản quyền VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	1.818.363.207	5.207.310.961	7.025.674.168
Mua trong kỳ	-	40.000.000	40.000.000
Tại ngày 30/06/2021	1.818.363.207	5.247.310.961	7.065.674.168
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	-	2.788.273.740	2.788.273.740
Khấu hao trong kỳ	-	352.570.987	352.570.987
Tại ngày 30/06/2021	-	3.140.844.727	3.140.844.727
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	1.818.363.207	2.419.037.221	4.237.400.428
Tại ngày 30/06/2021	1.818.363.207	2.106.466.234	3.924.829.441

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2021 của TSCĐ vô hình là 713.974.227 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 474.700.000 VND.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2B	101.080.887.000	79.878.375.000
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (9 ha)	65.638.708.425	62.812.180.425
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2	38.054.453.800	38.054.453.800
Các dự án khác	20.794.094.360	3.599.792.774
Cộng	225.568.143.585	184.344.801.999

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.33	19.697.790.457	19.697.790.457	12.528.196.545	12.528.196.545
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng hải HPS Marine	41.441.972.000	41.441.972.000	42.984.103.000	42.984.103.000
Phải trả cho các đối tượng khác	30.983.999.208	30.983.999.208	29.792.122.666	29.792.122.666
Cộng	92.123.761.665	92.123.761.665	85.304.422.211	85.304.422.211

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2021		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	8.777.719.706	17.043.632.691	10.546.980.204	-	2.281.067.219
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.429.807.410	22.429.807.410	5.716.850.349	-	5.716.850.349
Thuế thu nhập cá nhân	-	149.915.139	3.237.691.016	3.658.955.027	-	571.179.150
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	4.484.707.650	5.131.817.394	647.109.744	-	-
Phí sử dụng đất phi nông nghiệp	12.788.695	-	109.367.482	122.156.177	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.265.000	6.265.000	-	-
Cộng	12.788.695	35.842.149.905	47.958.580.993	20.698.316.501	-	8.569.096.718

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 30/06/2021.

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí thi công đợt 1 công trình bến tàu 30.000 DWT (B5)	8.853.000.000	-
Chi phí dịch vụ vận chuyển, xếp dỡ	2.986.496.123	397.324.615
Chi phí thi công công trình văn phòng dịch vụ giai đoạn 1 Cảng Gò Dầu	806.893.686	-
Chi phí hoa hồng môi giới	503.742.916	1.325.637.467
Chi phí lãi vay	234.079.751	291.997.061
Các khoản chi phí phải trả khác	879.875.450	-
Cộng	14.264.087.926	2.014.959.143

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	37.306.632.355	172.953.655
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.694.526.935	4.809.815.974
Cộng	42.001.159.290	4.982.769.629
Dài hạn:		
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân	16.530.632.897	16.530.632.897
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.588.957.345	3.658.957.345
Cộng	20.119.590.242	20.189.590.242

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Vay dài hạn:	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày	Tại ngày
			30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
Quý Đầu tư Phát triển Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	7,0%/năm	36.960.109.247	28.316.109.247 (b)
	VND	8,4%-9,0%/năm	65.753.306.403	73.205.306.403 (c)
Cộng			102.713.415.650	101.521.415.650

(a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo;

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Bền tàu 30.000 DWT;
- 2 cầu Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014).

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m² tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi cỡ 7,15 ha và 2,17 ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản 02/CĐN/2017/HĐTC ngày 29 tháng 09 năm 2017).

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng cầm cố thế chấp cho các khoản vay là 209.286.771.318 VND - Xem thêm mục 4.9 và 4.10.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Dự phòng quỹ tiền lương	12.750.000.000	12.750.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	5.590.300.302	-
Cộng	<u>18.340.300.302</u>	<u>12.750.000.000</u>

4.19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu năm	24.452.719.496	15.934.246.092
Trích lập trong kỳ	19.783.436.000	16.993.798.000
Tặng khác	-	5.015.000
Sử dụng trong kỳ	(9.385.441.264)	(5.271.904.125)
Số dư cuối kỳ	<u>34.850.714.232</u>	<u>27.661.154.967</u>

(Xem trang tiếp theo)

30/06/2021
 C
 EM
 RSI
 1/1/

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20. Vốn chủ sở hữu****4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2020	185.219.540.000	74.434.806.545	192.035.741.508	110.058.100.296	561.748.188.349	
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	68.000.040.645	68.000.040.645	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	33	(33)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(14.023.248.000)	(14.023.248.000)	
Trích quỹ khen thưởng cá nhân, đơn vị hữu quan	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)	
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	(1.365.750.000)	(1.365.750.000)	
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(604.800.000)	(604.800.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	(55.565.862.000)	(55.565.862.000)	
Tại ngày 30/06/2020	185.219.540.000	74.434.806.545	192.035.741.541	105.498.480.908	557.188.568.994	
Lãi trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	27.677.135.998	27.677.135.998	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	63.784.785.000	-	63.784.785.000	
Tại ngày 01/01/2021	185.219.540.000	74.434.806.545	255.820.526.541	133.175.616.906	648.650.489.992	
Lãi trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	91.770.333.512	91.770.333.512	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.540.816.000)	(16.540.816.000)	
Trích quỹ khen thưởng cá nhân, đơn vị hữu quan	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)	
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	(1.594.620.000)	(1.594.620.000)	
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(648.000.000)	(648.000.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	(64.826.839.000)	(64.826.839.000)	
Tại ngày 30/06/2021	185.219.540.000	74.434.806.545	255.820.526.541	140.335.675.418	655.810.548.504	



 KẾ TÍNH TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	94.462.200.000	94.462.200.000
Vốn góp của các đối tượng khác	90.757.340.000	90.757.340.000
Cộng	185.219.540.000	185.219.540.000

4.20.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.521.954	18.521.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	18.521.954	18.521.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	18.521.954	18.521.954

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.20.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	91.770.333.512	68.000.040.645
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(11.347.560.000)	(8.427.743.736)
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	80.422.773.512	59.572.296.909
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	18.521.954	18.521.954
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.343	3.217

Quý khen thưởng, phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 04 năm 2021.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	91.770.333.512	68.000.040.645
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(11.347.560.000)	(8.427.743.736)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	80.422.773.512	59.572.296.909
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	18.521.954	18.521.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.521.954	18.521.954
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.343	3.217

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 04 năm 2021.

4.20.6. Cổ tức

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 04 năm 2021, tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 là 35% trên vốn điều lệ.

4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Ngoại tệ các loại:		
USD	83.782,56	83.782,56

4.22. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	465.017.636.190	338.456.005.685
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.33	3.269.235.176	1.243.507.281
Cộng	468.286.871.366	339.699.512.966

Doanh thu kỳ này tăng 37,85% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do việc tạm dừng trạm thu phí tại cầu Đồng Nai từ ngày 24 tháng 08 năm 2020 tạo thêm lợi thế cạnh tranh khai thác hàng container khu vực TP. HCM - Bình Dương. Bên cạnh đó, đại dịch COVID - 19 bùng phát trên diện rộng, trong đó có các trường hợp xảy ra tại cảng Cát Lái, Sawatco và SPITC; đặc biệt cảng SWC bị phong tỏa đột ngột trong vài ngày, các ICD tại TP. Hồ Chí Minh và Bình Dương đồng loạt hạn chế thời gian hạ container hàng sớm nên một số khách hàng chuyển sang hạ container hàng tại cảng Đồng Nai làm cho sản lượng ngành hàng container tăng đáng kể. Ngoài ra, việc thiếu hụt container rỗng làm cho một số khách hàng chuyển sang đi tàu rời làm tăng nhu cầu thị trường khai thác hàng tổng hợp dẫn đến sản lượng thực hiện của ngành hàng tổng hợp cũng tăng so với cùng kỳ năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.23. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.

4.24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	3.301.934.159	3.452.023.104
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.558.790.000	2.393.955.000
Cộng	5.860.724.159	5.845.978.104

4.25. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

4.26. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí hoa hồng, môi giới	3.829.555.218	4.707.454.169
Chi phí nhân viên	2.175.701.110	1.772.284.815
Chi phí bằng tiền khác	3.034.180.246	3.455.053.047
Cộng	9.039.436.574	9.934.792.031

4.27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.033.147.729	10.216.415.014
Thuế, phí và lệ phí	5.326.182.397	2.204.617.217
Chi phí khấu hao tài sản cố định	684.773.418	726.235.722
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	15.605.090	171.716.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.158.279.669	1.972.957.338
Chi phí khác bằng tiền	5.802.693.325	5.750.959.721
Cộng	25.020.681.628	21.042.901.096

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.853.738.393	3.355.279.319
Chi phí nhân công	45.044.132.897	41.046.775.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.263.314.936	26.167.081.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	245.856.517.145	165.693.755.060
Chi phí khác bằng tiền	22.882.064.687	20.579.878.157
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	15.605.090	171.716.084
Chi phí trích trước sửa chữa lớn tài sản cố định	7.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	353.915.373.148	262.014.485.164

4.29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	114.200.140.922	75.368.685.704
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	507.686.128	509.004.128
Trừ: Thu nhập miễn thuế (cổ tức và lợi nhuận được chia)	(2.558.790.000)	(2.393.955.000)
Thu nhập tính thuế	112.149.037.050	73.483.734.832
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	-	73.281.019.072
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác chịu thuế suất phổ thông 20%</i>	112.149.037.050	202.715.760
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	22.387.006.671	7.328.101.907
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	42.800.739	40.543.152
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	22.429.807.410	7.368.645.059

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

4.30. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	162.686.102.837	135.689.088.316

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.31. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(155.946.169.927)	(125.517.410.389)

4.32. Báo cáo bộ phận

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh;
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

4.33. Thông tin về các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
9. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	1.483.956.709	121.377.900
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	39.227.800	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	14.809.410	-
Cộng - Xem thêm mục 4.3	1.537.993.919	121.377.900

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	(10.634.382.922)	(6.681.661.970)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(8.855.000.345)	(5.564.351.345)
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(166.359.690)	(157.818.360)
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	(42.047.500)	(28.974.000)
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	(33.135.040)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	-	(46.855.830)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	(15.400.000)
Cộng - Xem thêm mục 4.12	(19.697.790.457)	(12.528.196.545)
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	2.779.186.892	650.818.558
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	303.812.025	298.002.270
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	186.236.259	294.686.453
Cộng - Xem thêm mục 4.22	3.269.235.176	1.243.507.281
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	27.223.820.062	15.518.027.148
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	22.403.897.400	22.188.178.252
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	960.648.200	1.025.760.600
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	239.541.720	201.595.680
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	150.404.260	40.889.900
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	113.530.000	62.325.000
Cộng	51.091.841.642	39.036.776.580

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị	164.290.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	648.000.000	647.573.000
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	617.738.000	617.085.000
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	617.739.000	608.103.000
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	113.738.000	163.829.000
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 28/04/2021)	27.080.000	-
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 28/04/2021)	86.657.000	102.693.000
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Kế toán trưởng	468.000.000	419.209.000
Cộng		2.743.242.000	2.558.492.000

4.34. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	683.488.000	326.774.000

4.35. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất của Nhà nước theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	5.131.817.394	2.056.969.387

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Từ 1 năm trở xuống	10.263.634.788	3.755.655.378
Trên 1 năm đến 5 năm	41.066.371.645	15.022.621.512
Trên 5 năm	245.659.583.983	120.261.095.856
Cộng	296.989.590.416	139.039.372.746

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.36. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù không tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 30/06/2021 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngày 01/07/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết Số 51/2021/NQ-HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức đợt 2 (đợt cuối) năm 2020, cụ thể như sau:

- Thời gian chốt danh sách cổ đông: ngày 21/07/2021;
- Tỷ lệ trả cổ tức: 20%/vốn điều lệ;
- Thời gian tiến hành chi trả cổ tức: ngày 30/07/2021.

Ngoài ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 9 năm 2021

Vũ Thị Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Cảnh Thìn
Người lập